

Bản án: 65/2023/KDTM-PT
Ngày 27-6-2023
V/v: Tranh chấp giữa các thành
viên Công ty với nhau; yêu cầu hủy,
vô hiệu văn bản thỏa thuận.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Tô Chánh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp giữa các thành viên công ty với nhau; yêu cầu hủy, vô hiệu văn bản thỏa thuận”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 803/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1950. Địa chỉ cư trú: ấp T 2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc H, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: 54/B3, đường số 1, Khu phố X, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2022, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đình D là luật sư của Công ty Luật Đồng Tháp thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Tiểu L, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: 28 Ô 6, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (theo Văn bản ủy quyền ngày 17/02/2022, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH Q Long An. Địa chỉ trụ sở chính: ấp T 2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy Q – Giám đốc (có mặt).

2. Sở K tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1953. Địa chỉ cư trú: ấp T 2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Ông Lê Tấn T, sinh năm 1973 (có mặt)

5. Bà Lê Thị Phương T1, sinh năm 1977.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, bà T1: Ông Lê Tấn T, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ cư trú: D4-04 C/c Conic – Đông Nam Á, Ấp 5, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2022 và ngày 19/5/2022, có mặt).

6. Bà Lê Thị M, sinh năm 1956. Địa chỉ cư trú: 1/10 đường 3/2, phường H, quận N, thành phố C, tỉnh Cần Thơ (vắng mặt).

7. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1957. Địa chỉ cư trú: 483/C15 Quốc lộ 1, khu phố B 2, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

8. Bà Lê Thị M2, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: 31 Lô B, P, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

9. Bà Lê Thị M3, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

10. Bà Lê Thị M4, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: ấp T 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - ông Lê Quang Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Cẩm V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/12/2021, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 09/5/2022 của nguyên đơn - ông Lê Quang Đ và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng của ông Phạm Quốc H - đại diện theo ủy quyền của nguyên có nội dung như sau:

Năm 2002, ông Lê Quang Đ có đầu tư xây dựng Trạm xăng dầu Lê Quang Đ tại ấp Hòa Thuận 2, xã H, huyện Đ với vốn đầu tư 400.000.000đ. Trong đó vốn cố định 250.000.000đ, vốn lưu động 150.000.000đ. Ngày 26/6/2002, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở K tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Doanh nghiệp tư nhân Lê Quang Đ (viết tắt là DNTN Lê Quang Đ), vốn ban đầu 150.000.000đ.

Ngày 14/12/2002, Doanh nghiệp tư nhân Lê Quang Đ được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN QSDĐ) đối với thửa 161, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.197m².

Đến năm 2015, DNTN Lê Quang Đ chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Q Long An (viết tắt là Công ty Q Long An) với 2 thành viên góp vốn là ông Đ và ông Nguyễn Duy Q. Theo thỏa thuận góp vốn tại Điều lệ Công ty, vốn điều lệ của Công ty được đăng ký là 2 tỷ đồng, ông Đ chiếm tỷ lệ góp vốn là 26% và ông Q chiếm tỷ lệ góp vốn là 74%. Ngày 17/8/2015, Sở K tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp cho Công ty Q Long An. Ngày 14/9/2015, Công ty Q Long An đã thực hiện đăng ký biến động đất đai đối với thửa đất 161, GCN QSDĐ này hiện do ông Đ đang giữ.

Tuy nhiên, cho đến nay ông Nguyễn Duy Q vẫn không thực hiện góp vốn như đã cam kết. Ông Đ đã nhiều lần yêu cầu ông Q góp vốn nhưng ông Q vẫn không thực hiện, do ông Đ là cậu ruột của ông Q nên mới để sự việc kéo dài đến nay.

Căn cứ chứng minh ông Q chưa góp vốn:

- Theo Báo cáo tài chính các năm 2015, 2016, 2017, 2018, ghi nhận vốn chủ sở hữu vẫn là 150.000.000đ, điều này có nghĩa là vốn chủ sở hữu vẫn không thay đổi so với trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sau khi góp vốn.

- Ông Q cho rằng hai bên thỏa thuận góp vốn bằng QSDĐ nhưng đến nay Công ty Q Long An vẫn chưa từng thực hiện thủ tục đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp thực tế là QSDĐ.

Việc ông Nguyễn Duy Q chưa thực hiện góp vốn như cam kết đã vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp. Vì vậy ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố ông Nguyễn Duy Q không còn là thành viên Công ty TNHH Q Long An. Đồng thời kiến nghị Sở K tỉnh Long An chuyển đổi Công ty TNHH Q Long An (loại hình Công ty TNHH Hai thành viên trở lên) thành Công ty TNHH Một thành viên với thành viên duy nhất là ông Lê Quang Đ;

- Hủy bỏ Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 giữa ông Lê Quang Đ và ông Nguyễn Duy Q.

Đối với yêu cầu độc lập của bà V (vợ ông Đ) thì ông Đ thống nhất. Vì phần đất thửa 161 nêu trên do Công ty Q Long An đứng tên QSD là tài sản chung của vợ chồng ông T2 thời kỳ hôn nhân. Phần đất này có nguồn gốc của cha mẹ ông đã cho ông và bà V từ năm 1996 đến nay, khi cho không có giấy tờ nhưng ông Đ đã được cấp GCN QSDĐ vào năm 2002 (cấp cho DNTN Lê Quang Đ). Do Biên bản họp gia đình của con cháu bà Lê Thị Đ1 ngày 29/7/2011 (gọi tắt là Biên bản họp gia đình) và Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 giữa ông Đ và ông Q thì bà V không tham gia, cũng không có sự đồng ý của bà V, do đó bà V yêu cầu vô hiệu 02 văn bản này thì ông Đ thống nhất. Ông Đ không yêu cầu giải quyết hậu quả do 02 văn bản này bị vô hiệu hoặc bị hủy bỏ, nếu có tranh chấp ông Đ sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Bị đơn ông - Nguyễn Duy Quang do ông Nguyễn Tiểu L đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Năm 2015, ông Đ và ông Q có thoả thuận góp vốn và thực hiện đầy đủ các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Q Long An, vốn điều lệ và tỷ lệ góp đúng như nguyên đơn trình bày, việc này thể hiện tại điều lệ Công ty. Ông Đ đã có văn bản xác nhận ông Q có góp vốn. Sau khi đăng ký cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thì hai bên có thoả thuận lại việc góp vốn khác với thoả thuận ban đầu, cụ thể tại Văn bản thoả thuận về phần vốn góp ngày 05/9/2015 hai bên đã thoả thuận không góp vốn bằng tiền mặt mà thay vào đó là góp vốn bằng QSDĐ thửa 161 nêu trên của DNTN Lê Quang Đ thành tài sản của Công ty TNHH Lê Quang Đ. Vì thửa đất này là của bà Lê Thị Đ1 – bà ngoại ông Q (tức là mẹ ông Đ) để lại cho cả gia đình, không phải là tài sản cá nhân của ông Lê Quang Đ, không có việc cho riêng ông Đ và bà V.

Cụ thể thửa 161 có nguồn gốc như sau:

Trước năm 1956, bà Lê Thị Đ1 sống chung với ông Nguyễn Văn N có 1 người con là Lê Quang Đ. Sau đó ông Nhiều bỏ đi, bà Đ1 gặp và sống với ông Trần Văn T2 có 5 người con là Lê Thị M, Lê Thị M1, Lê Thị M2, Lê Thị M3 và Lê Thị M4.

Bà Lê Thị Đ1 chết năm 2009, ông Trần Văn T2 chết năm 2005, ông Nguyễn Văn N chết năm nào thì không xác định được.

Trước khi chết bà Lê Thị Đ1 có để lại một khối tài sản, trong đó có thửa 161, phần đất này có nguồn gốc của tổ tiên bà để lại cho bà. Khi còn sống bà và ông T2 có để cho ông Lê Quang Đ thay mặt gia đình đứng tên QSDĐ theo GCN số V 675618 ngày 04/12/2002. Do bà Đ1 chết không để lại di chúc nên gia đình có họp mặt lại để phân chia thừa kế.

Tại cuộc họp gia đình ngày 29/7/2011, có mặt tất cả anh chị em, do ông Lê Quang Đ chủ trì, đã thống nhất phân chia di sản thừa kế, trong đó có phần đất khu vực cây xăng tức thửa 161 nêu trên theo GCN QSDĐ số V 675618 ngày 04/12/2002 do ông Lê Quang Đ đứng tên. Cụ thể chia làm 7 kỷ phần cho sáu người con mỗi người 01 kỷ phần; 01 kỷ phần còn lại là phần của bà Đ1 sẽ bán cho nội bộ thành viên trong gia đình để xây dựng nhà mồ cho bà Đ1 và làm hàng rào xung quanh. Bà Lê Thị M3 là mẹ ông Q đã mua lại kỷ phần này.

Ngày 30/7/2011 mọi người tiếp tục bốc thăm chia phần đất này để xác định vị trí kỷ phần được phân chia, có ông Đ xác nhận ký tên. Phần đất này từ trước đến nay sau khi đã phân chia thì không ai tranh chấp hay có ý kiến gì khác, ông Đ cũng đã thống nhất ký tên hết vào các biên bản.

Sau khi phân chia xong thì mẹ ông Q và những người di của ông Q là bà Lê Thị M1, Lê Thị M2, Lê Thị M4 và Lê Thị M3 đã giao lại cho ông Q toàn quyền sở hữu, quản lý, định đoạt đối với kỷ phần của mình, tổng cộng ông Q nhận được là 6 kỷ phần. Do đó khi lập biên bản thoả thuận ngày 05/9/2015 đã xác định ông Q góp 74%, ông Đ góp 26%.

Ông Đ khởi kiện cho rằng ông Q không góp vốn là hoàn toàn không có cơ sở. Đối với số tiền góp vốn thể hiện tại Báo cáo tài chính các năm 2015 đến 2018 là 150.000.000đ, do đây là số vốn kinh doanh ban đầu, do khi làm hồ sơ kế toán sơ

suất không ghi bổ sung thay đổi như Điều lệ Công ty. Việc chậm cập nhật vốn điều lệ tại Báo cáo tài chính không ảnh hưởng đến dòng tiền và thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Đ và yêu cầu độc lập của bà V thì ông Q không đồng ý. Lý do đây là đất của gia đình, không phải của vợ chồng ông Đ bà V. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà V thì ông Q cũng không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu hoặc hủy bỏ trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập- bà Nguyễn Thị Cẩm V do ông Lê Tấn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà V thống nhất với toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Bà V xác định phần đất cây xăng thuộc thửa 161 nêu trên do Công ty Q Long An đứng tên QSD là tài sản chung của ông Đ và bà V trong thời kỳ hôn nhân. Khi lập Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 và Biên bản họp gia đình thì không có sự tham gia và đồng ý của bà V. Do đó, bà V yêu cầu Tòa án xem xét vô hiệu Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 giữa ông Đ và ông Nguyễn Duy Q. Đồng thời vô hiệu một phần Biên bản họp gia đình về việc thỏa thuận phân chia đất đối với phần đất cây xăng thửa 161, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.908m², tại xã Hoà Khánh Nam, huyện Đức Hoà do Công ty TNHH Lê Quang Đ Long An đứng tên quyền sử dụng. Do ông Đ có yêu cầu kiến nghị Sở K tỉnh Long An chuyển đổi Công ty TNHH Q Long An (loại hình Công ty TNHH Hai thành viên trở lên) thành Công ty TNHH Một thành viên với thành viên duy nhất là ông Đ nên bà V không yêu cầu phải hủy GCN QSDĐ đã cấp cho Công ty TNHH Q Long An. Bà V không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc vô hiệu hai văn bản trên, các bên sẽ tự thương lượng sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn T và bà Lê Thị Phương T1 do ông Lê Tấn T là người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Năm 2002, bà T1 và bà V có góp vốn với số tiền 160.000.000đ, trong đó bà T1 góp 130.000.000đ, bà V góp 30.000.000đ, tương đương 20% tổng vốn lưu động của DNTN Trạm xăng dầu Lê Quang Đ để đầu tư xây dựng và hoạt động kinh doanh xăng dầu của Doanh nghiệp do ông Đ làm chủ. Số tiền góp vốn này toàn bộ là tiền mặt, góp vào vốn lưu động để trang trải chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật và trang bị cơ sở vật chất ban đầu của cây xăng. Phần tiền vốn này không liên quan đến diện tích đất nông nghiệp của ông Đ và bà V đang toàn quyền sở hữu và sử dụng từ năm 1996.

Vì một số lý do cá nhân nên năm 2016, bà T1 đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn này cho ông Q với giá 230.000.000đ, ông Q đã thanh toán xong cho bà T1. Còn phần bà V thì gửi lại cho ông Q 30.000.000đ để lấy lãi tiết kiệm hàng tháng. Hiện nay ông Q đang điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty Q Long An trên phần diện tích đất thuộc toàn QSD của ông Đ và bà V.

Ông bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Q Long An do ông Nguyễn Duy Q là người đại diện theo pháp luật có ý kiến trình bày:

Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty, ông thống nhất với toàn bộ ý kiến trình bày của ông L là người đại diện theo ủy quyền của ông. Đối với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Đ và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Cẩm V thì Công ty không đồng ý. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà V thì Công ty cũng không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở K tỉnh Long An trình bày tại Văn bản số 1620/SKHĐT-ĐKKD ngày 04/5/2022 có nội dung như sau:

Đối với việc góp vốn chuyển đổi loại hình của Công ty, căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021, thành phần hồ sơ đã đăng ký chuyển đổi loại hình từ DNTN thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên của doanh nghiệp đúng theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu thực hiện chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty TNHH một thành viên thì doanh nghiệp thực hiện thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M3, bà Lê Thị M1, Lê Thị M2, Lê Thị M4 và Lê Thị M cùng trình bày với nội dung như sau:

Bà Lê Thị Đ1 (chết năm 2009) có 6 người con là Lê Quang Đ (con của bà Đ1 với ông Nguyễn Văn N, ông Nhiều đã chết), Lê Thị M, Lê Thị M1, Lê Thị M2, Lê Thị M3 và Lê Thị M4 (con của bà Đ1 với ông Trần Văn T2, ông T2 đã chết năm 2005). Khi chết bà Đ1 không để lại di chúc.

Phần đất thừa 161 nêu trên theo GCN QSDĐ số V 675618 ngày 04/12/2002 do ông Lê Quang Đ đứng tên, được cập nhật chuyển đổi sang cho Công ty Q Long An ngày 18/9/2015 chính là phần đất khu vực cây xăng thể hiện trong Biên bản họp gia đình. Phần đất này có nguồn gốc của bà Lê Thị Đ1, khi còn sống bà Đ1 có để cho ông Lê Quang Đ thay mặt gia đình đứng tên QSDĐ. Sau khi bà Đ1 chết thì gia đình có họp mặt các anh em lại để phân chia thừa kế.

Tại cuộc họp gia đình ngày 29/7/2011 có mặt tất cả anh chị em, do ông Lê Quang Đ chủ trì, đã thống nhất phân chia phần đất khu vực cây xăng thừa 161 chia làm 7 kỷ phần: cho sáu người con mỗi người 01 kỷ phần; 01 kỷ phần còn lại là phần của bà Đ1 sẽ bán cho nội bộ thành viên trong gia đình để xây dựng nhà mồ cho bà Đ1 và làm hàng rào xung quanh, bà M3 là mẹ ông Q đã mua lại kỷ phần này. Ngày 30/7/2011, mọi người tiếp tục bốc thăm chia phần đất này để xác định vị trí kỷ phần được phân chia, có ông Đ xác nhận ký tên. Phần đất này từ trước đến nay sau khi đã phân chia thì không ai tranh chấp hay có ý kiến gì khác, ông Đ cũng đã thống nhất ký tên hết vào các biên bản.

Sau khi phân chia xong thì bà M3 và bà Lê Thị M1, Lê Thị M2, Lê Thị M4 và Lê Thị M đã giao lại cho ông Q toàn quyền sở hữu, quản lý, định đoạt đối với kỷ phần của mình, tổng cộng ông Q nhận được là 6 kỷ phần. Ông Q có quyền góp

vốn bằng kỹ phần này vô Công ty TNHH Q Long An. Các bà hoàn toàn không tranh chấp gì đối với phần đất này.

Nay ông Đ khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy bỏ Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 với ông Q cũng như bà V có yêu cầu độc lập yêu cầu vô hiệu Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 giữa ông Đ và ông Q, đồng thời vô hiệu một phần Biên bản họp gia đình về việc thỏa thuận phân chia đất liên quan đối với phần đất cây xăng thửa 161 thì các bà hoàn toàn không đồng ý, vì như đã trình bày, phần đất này có nguồn gốc của bà Lê Thị Đ1. Khi còn sống bà Đ1 cho ông Đ thay mặt gia đình đứng tên QSDĐ chứ không phải tài sản chung của vợ chồng ông Đ, bà V. Sau khi mất thì gia đình có họp mặt các anh em lại đề phân chia thừa kế đối với các phần đất của cha mẹ. Việc phân chia di sản là sự thỏa thuận thống nhất của mọi người trong gia đình.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét giải quyết theo quy định pháp luật và cho các bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang Đ đối với ông Nguyễn Duy Q về việc yêu cầu:

- Tuyên bố ông Nguyễn Duy Q không còn là thành viên Công ty TNHH Q Long An và kiến nghị Sở K tỉnh Long An chuyển đổi Công ty TNHH Q Long An (loại hình Công ty TNHH Hai thành viên trở lên) thành Công ty TNHH Một thành viên với thành viên duy nhất là ông Lê Quang Đ.

- Hủy bỏ Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 giữa ông Lê Quang Đ và ông Nguyễn Duy Q.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Cẩm V đối với ông Nguyễn Duy Q về việc yêu cầu:

- Tuyên bố vô hiệu một phần Biên bản họp gia đình của con cháu bà Lê Thị Đ1 ngày 29/7/2011 đối với thửa 161, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.908m², tại xã Hoà Khánh Nam, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

- Tuyên bố vô hiệu Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 giữa ông Lê Quang Đ và ông Nguyễn Duy Q.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 31/8/2022, nguyên đơn - ông Lê Quang Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Cẩm V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn - ông Lê Quang Đ không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Cẩm V không rút đơn kháng cáo; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu kháng cáo như sau: Trong trường hợp có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để giải quyết lại. Trong trường hợp không đủ cơ sở hủy án thì đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Nguyễn Tấn Trọng đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Cẩm V trình bày yêu cầu kháng cáo của bà V như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà V. Tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 giữa ông Đ và ông Nguyễn Duy Q; tuyên vô hiệu một phần Biên bản họp gia đình về việc thỏa thuận phân chia đất đối với phần đất cây xăng thửa 161, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.908m², tại xã Hoà Khánh Nam, huyện Đức Hoà do Công ty TNHH Lê Quang Đ Long An đứng tên quyền sử dụng. Vì phần đất cây xăng thuộc thửa 161 do Công ty Q Long An đứng tên QSD là tài sản chung của ông Đ và bà V trong thời kỳ hôn nhân. Khi lập Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 và Biên bản họp gia đình không có sự tham gia và đồng ý của bà V.

- Ông Nguyễn Tiểu L đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày ý kiến: Bị đơn – ông Q không đồng ý với các ý kiến và yêu cầu kháng cáo nêu trên của ông Đ, bà V. Lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã làm đúng trình tự, thủ tục tố tụng, đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ; không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Về nội dung đã giải quyết đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để tách hai quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về di sản thừa kế” và “Tranh chấp Kinh doanh Thương mại” thành hai vụ án khác nhau và giải quyết công sức cho bà V.

Lý do, Tòa án cấp sơ thẩm đã gộp giải quyết hai quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp thừa kế” và “Tranh chấp kinh doanh thương mại” trong cùng một vụ án là không đúng pháp luật; không thu thập đầy đủ chứng cứ của cụ Đàm, giấy khai sinh của các con cụ Đàm là không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà V có yêu cầu công sức quản lý, tôn tạo tài sản trên đất sử dụng từ năm 1996 đến năm 2022 mới được ông Đ đưa vào tài sản của Doanh nghiệp tư nhân Quang Đức. Căn cứ án lệ 02/2016/AL đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công sức cho bà V.

- Ông Lê Tấn T đại diện bà V tranh luận: Thửa đất 161 là tài sản chung của bà V và ông Đ nhưng tại Biên bản họp gia đình ngày 29/7/2011 không có ý kiến bà V. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của bà V tuyên bố Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 và Biên bản họp gia đình ngày 29/7/2011 vô hiệu. Trong trường hợp không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà V thì đề nghị xem xét công sức của bà V trong việc tôn tạo, giữ gìn đất trên.

- Ông Nguyễn Tiểu L đại diện ông Q tranh luận:

Đối với ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã nhập quan hệ tranh chấp thừa kế và tranh chấp kinh doanh thương mại trong vụ án này. Tôi cho rằng luật sư có sự nhầm lẫn. Vì vụ án này Tòa án chỉ giải quyết tranh chấp giữa thành viên Công ty với nhau và yêu cầu tuyên bố văn bản vô hiệu, không giải quyết tranh chấp về “Di sản thừa kế” nên luật sư yêu cầu huỷ án sơ thẩm là không có cơ sở.

Việc Công ty TNHH hai thành viên, hai bên thỏa thuận góp vốn, tỷ lệ góp vốn đã được thể hiện tại Điều lệ Công ty và ông Đ đã có văn bản xác nhận ông Q có góp vốn. Sau khi đăng ký cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thì hai bên có thỏa thuận lại việc góp vốn khác với thỏa thuận ban đầu là không góp vốn bằng tiền mặt mà thay vào đó là góp vốn bằng quyền sử dụng đất thửa 161 nêu trên của DNTN Lê Quang Đ. Việc thỏa thuận này đúng theo Luật Doanh nghiệp và tài sản góp vốn trên đã được cập nhật tên Công ty TNHH Lê Quang Đ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2015. Công ty vẫn hoạt động bình thường từ năm 2015 cho đến nay. Nay nguyên đơn mới đưa ra vấn đề yêu cầu tuyên bố vô hiệu thỏa thuận góp vốn trên là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà V là không có cơ sở, vì cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận thửa đất 161 là tài sản của bà Đ1. Sau khi bà Đ1 chết thì các con của bà Đ1 do ông Đ chủ trì đứng ra thỏa thuận giải quyết và các bên đều thừa nhận biên bản này. Do ông Đ cũng là một trong những đồng thừa kế nên quyền quyết định là của ông Đ. Bà V không có quyền gì đối với thửa 161 nêu trên.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đối đáp: Quyền sử dụng đất thửa 161 là di sản thừa kế của bà Đ1. Án sơ thẩm đã định đoạt về tài sản thừa kế nên phải thu thập giấy chứng tử của bà Đ1, các đồng thừa kế của bà Đ1. Tôi không nhầm lẫn về quan hệ tranh chấp, vẫn bảo lưu ý kiến trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời khai của đương sự có cơ sở xác định Quyền sử dụng đất thửa 161 không phải là tài sản riêng của ông Đ hay tài sản của vợ chồng ông Đ mà ông Đ chỉ đứng tên đại diện các đồng thừa kế trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ngày 29/7/2011 các con của bà Đ1 do ông Đ chủ trì lập Biên bản họp gia đình phân chia phần đất này làm 7 kỷ phần, 6 người con mỗi người 01 kỷ phần, 01 kỷ phần còn lại là phần của bà Đ1 và mẹ ông Q đã mua lại kỷ phần này. Sau khi phân chia xong thì mẹ ông Q và những người di của ông Q đã giao lại cho ông Q toàn quyền sử dụng đối với kỷ phần của mình, tổng cộng ông Q nhận được là 6 kỷ phần, ông Đ 1 kỷ phần. Do đó, khi lập biên bản thỏa thuận ngày 05/9/2015 đã xác định ông Q góp 74%, ông Đ góp 26%. Theo Điều lệ Công ty thể hiện vốn góp của ông Đ là 26%, ông Q 74%. Ông Đ đã

thay đổi loại hình doanh nghiệp. Hiện nay thửa đất 161 là tài sản của Công ty TNHH Lê Quang Đ.

Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của ông Đ và bà V là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, Bà Lê Thị M2, bà Lê Thị M3, bà Lê Thị M4 nhưng có đơn đề nghị xử vắng mặt. Các đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự còn lại có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - ông Đ yêu cầu hủy án sơ thẩm vì cho rằng cấp sơ thẩm gộp hai quan hệ tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ông Lê Quang Đ khởi kiện yêu cầu tuyên bố ông Nguyễn Duy Q không còn là thành viên của Công ty TNHH Q Long An; yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận góp vốn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Cẩm V yêu cầu tuyên vô hiệu “Văn bản thỏa thuận góp vốn” và “Biên bản họp gia đình” về việc phân chia tài sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp giữa các thành viên Công ty với nhau” và “Yêu cầu hủy vô hiệu văn bản thỏa thuận” là phù hợp với các Điều 26, 30, 37, 38 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Về ý kiến của người đại diện hợp pháp của ông Đ và luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã gộp hai quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về di sản thừa kế” và “Tranh chấp kinh doanh thương mại” trong cùng một vụ án, thấy rằng: Trong vụ án này đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề thừa kế và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không giải quyết tranh chấp về di sản thừa kế trong vụ án này. Tuy nhiên, để đánh giá các văn bản thỏa thuận mà ông Đ, bà V khởi kiện có bị vô hiệu hay không, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa các đồng thừa kế của bà Đ1 vào tham gia tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ, liên quan và phân tích, đánh giá trong bản án sơ thẩm. Do đó, ý kiến của luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã gộp giải quyết hai quan hệ tranh chấp, là: “Tranh chấp về di sản thừa kế” và “Tranh chấp kinh doanh thương mại” trong cùng một vụ án và không thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết “Tranh chấp về di sản thừa kế” nên đề nghị hủy án sơ thẩm để tách hai quan hệ tranh chấp ra giải quyết riêng là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ, bà V (do ông T đại diện) yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng: Tuyên bố Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015

giữa ông Lê Quang Đ và ông Nguyễn Duy Q và Biên bản họp gia đình của con cháu bà Lê Thị Đ1 ngày 29/7/2011 đối với thửa 161, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.908m², tại xã Hoà Khánh Nam, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An là vô hiệu.

[3.1] Đối với yêu cầu tuyên vô hiệu Biên bản họp gia đình của con cháu bà Lê Thị Đ1 ngày 29/7/2011:

[3.1.1] Xét thấy, các đương sự thống nhất xác định phần đất thửa 161, tờ bản đồ số 8, tại xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 675618 ngày 04/12/2002 do ông Lê Quang Đ đứng tên, được cập nhật chuyển đổi sang cho Công ty Q Long An ngày 18/9/2015 chính là phần đất khu vực cây xăng thể hiện trong Biên bản họp gia đình có nguồn gốc của bà Lê Thị Đ1. Bà Đ1 chết năm 2009 có 6 người con là Lê Quang Đ (con của bà Đ1 với ông Nguyễn Văn N, ông N đã chết), Lê Thị M, Lê Thị M1, Lê Thị M2, Lê Thị M3 và Lê Thị M4 (con của bà Đ1 với ông Trần Văn T2, ông T2 đã chết năm 2005). Khi chết bà Đ1 không để lại di chúc.

[3.1.2] Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà V cho rằng thửa đất 161 bà Đ1 đã cho riêng ông Đ từ năm 1996 đến năm 2002 ông Đ đã được cấp GCN QSDĐ (cấp cho DNTN Lê Quang Đ do ông Lê Quang Đ làm chủ doanh nghiệp), ông Đ và bà V kết hôn năm 1977 nên đây là tài sản chung của vợ chồng ông Đ bà V.

[3.1.3] Tuy nhiên, ngoài lời khai của ông Đ, bà V và việc ông Đ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Đ không có giấy tờ, tài liệu nào thể hiện cụ Đ1 đã cho riêng ông. Do đó, việc ngày 29/7/2011, ông Đ chủ trì cuộc họp các thành viên gia đình là các đồng thừa kế của cụ Đ1 để phân chia thửa đất 161 là di sản của cụ Đầm làm 7 kỷ phần, 6 người con mỗi người 01 kỷ phần, 01 kỷ phần còn lại là phần của cụ Đ1 do mẹ ông Q mua lại, đã chứng minh đây không phải là tài sản của ông Đ được cụ Đầm cho riêng và ông Đ đã chuyển thành tài sản chung của vợ chồng ông Đ - bà V như trình bày của ông ông Đ, bà V.

[3.1.4] Như vậy, có đủ cơ sở xác định thửa đất 161 là di sản của cụ Đầm đã chuyển thành tài sản chung của các thừa kế và các con của cụ Đầm đã phân chia thửa đất này tại Biên bản họp gia đình; phù hợp với lời khai của ông Q cùng các bà M, M1, M2, M3, M4 đều xác định ông Đ chỉ thay mặt gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không phải cụ Đầm cho ông Đ hoặc cho vợ chồng ông Đ. Việc thỏa thuận phân chia như trên là ý chí tự nguyện của các đồng thừa kế của cụ Đầm; về hình thức không bắt buộc phải công chứng, chứng thực nên Biên bản họp gia đình đối với thửa 161 có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 122, 124 Bộ luật Dân sự 2005.

[3.1.5] Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của bà V, ông Đ yêu cầu tuyên vô hiệu Biên bản họp gia đình của con cháu cụ Lê Thị Đ1 ngày 29/7/2011 đối với thửa 161 là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, phía bà V cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà V.

[3.2] Đối với yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 giữa ông Lê Quang Đ và ông Nguyễn Duy Q vô hiệu.

[3.2.1] Xét thấy, sau khi các đồng thừa kế của cụ Đàm đã tự thỏa thuận phân chia tài sản xong vào ngày 29/7/2011 thì bà Lê Thị M3 và bà Lê Thị M1, Lê Thị M2, Lê Thị M4 và Lê Thị M đã giao lại cho ông Q toàn quyền sở hữu đối với kỷ phần của mình. Như vậy tổng cộng ông Q nhận được là 6 kỷ phần nên ông Q có quyền góp vốn bằng 06 kỷ phần này vào Công ty Q Long An (ông Đ góp 01 kỷ phần).

[3.2.2] Tại Văn bản Thỏa thuận về phần vốn góp ngày 05/9/2015 giữa ông Đ và ông Q thể hiện hai bên thỏa thuận không góp vốn bằng tiền mặt mà thay vào đó là góp vốn bằng quyền sử dụng đất thửa 161, trị giá 02 tỷ đồng bằng với vốn điều lệ Công ty. Trong đó, số vốn góp của ông Q là 1.480.000.000đ tương ứng 74% vốn điều lệ, ông Đ là 520.000.000đ tương ứng 26% vốn điều lệ. Thỏa thuận này giữa ông Đ và ông Q là thỏa thuận về hình thức góp vốn, số tiền góp vốn, tỷ lệ góp vốn và trình tự thủ tục thực hiện việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Theo quy định của pháp luật thì việc thỏa thuận này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. Do đó, Văn bản thỏa thuận về phần vốn góp ngày 05/9/2015 là có hiệu lực pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà V, ông Đ yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản Thỏa thuận về phần vốn góp ngày 05/9/2015 là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, phía ông Đ, bà V cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu trên nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Đ, bà V.

[4] Về kháng cáo của bà V yêu cầu hủy án sơ thẩm để giải quyết công sức của bà V đầu tư trên thửa đất 161: Xét thấy, bà V là vợ ông Đ, suốt quá trình tham gia tố tụng trước đó bà V không đề cập đến vấn đề này. Yêu cầu này của bà V mới được đặt ra tại cấp phúc thẩm và bà V cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà có bỏ tiền ra đầu tư, xây dựng công trình gì trên đất, trong khi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cập nhật tên chủ sử dụng là Công ty TNHH Quang Đức không thể hiện có tài sản trên đất.

Theo ông T đại diện bà V khai tài sản trên đất chỉ có là công trình cây xăng. Tuy nhiên, Theo lời khai của ông Q phù hợp với liệu, chứng cứ là Biên nhận ngày 31/10/2016 thể hiện ngày 31/10/2016 ông T nhận của ông Q tổng số 260.000.000đ để chuyển nhượng phần hùn vốn cây xăng của chị T1 (vợ ông T) cho ông Q. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy án sơ thẩm để giải quyết công sức của bà V theo đề nghị của người đại diện hợp pháp của bà V.

[5] Từ sự phân tích từ mục [2] đến mục [4], không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – ông Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà V về việc hủy án hoặc sửa án sơ thẩm. Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật nên giữ nguyên.

[6]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với chứng cứ và nhận định trên của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[7]. Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn – ông Lê Quang Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Cẩm V, phải chịu án phí KDTM PT

2.000.000đ (hai triệu đồng) theo qui định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48, 50, 51 Luật doanh nghiệp 2014; Điều 122, 124, 689 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 14, 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 357, 423, 500, 502, 503 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167 Luật Đất đai 2013; điểm a tiểu mục 2.4 mục 2 phần I của Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - ông Lê Quang Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Cẩm V.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/KDTM-ST ngày 24-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang Đ đối với ông Nguyễn Duy Q về việc yêu cầu:

- Tuyên bố ông Nguyễn Duy Q không còn là thành viên Công ty TNHH Q Long An và kiến nghị Sở K tỉnh Long An chuyển đổi Công ty TNHH Q Long An (loại hình Công ty TNHH Hai thành viên trở lên) thành Công ty TNHH Một thành viên với thành viên duy nhất là ông Lê Quang Đ;

- Hủy bỏ Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 giữa ông Lê Quang Đ và ông Nguyễn Duy Q.

2.2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Cẩm V đối với ông Nguyễn Duy Q về việc yêu cầu:

- Tuyên bố vô hiệu một phần Biên bản họp gia đình của con cháu bà Lê Thị Đ1 ngày 29/7/2011 đối với thửa 161, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.908m², tại xã Hoà Khánh Nam, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An;

- Tuyên bố vô hiệu Văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 05/9/2015 giữa ông Lê Quang Đ và ông Nguyễn Duy Q.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định, do đặc là 17.000.000 đồng, ông Đ và ông Q mỗi người đồng ý chịu ½ chi phí, do ông Đ đã tạm ứng 17.000.000 đồng nên ông Q phải hoàn trả cho ông Đ 8.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2.4. Về án phí KDTM sơ thẩm:

- Ông Lê Quang Đ phải chịu 3.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại. Khấu trừ 3.300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do ông Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0000148 ngày 07/01/2022 và Biên lai thu số 0000370 ngày 09/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An; hoàn trả lại cho ông Đ 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu 3.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại. Khấu trừ 6.000.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà V đã nộp theo các Biên lai thu số 0000401 và 0000402 cùng ngày 26/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An; hoàn trả lại cho bà V 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

3. Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Lê Quang Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm V, phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm mỗi người 2.000.000đ (hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0001333, 0001334 ngày 21/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An. Sau khi khấu trừ, ông Lê Quang Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm V, đã nộp đủ án phí KDTM phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP, 26b (PMT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

